

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 07-8-2025  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hòa Nhẫn;

Ông Huỳnh Thiện Khiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Nhựt Quang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Âu Bé T, sinh năm: 1968. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh). Có đơn xin vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Phạm Văn T1, sinh năm: 1967. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (nay là ấp L, xã L, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2024 và bản tự khai - nguyên đơn anh bà Âu Bé T trình bày: Bà và ông Phạm Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999. Đến năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông T1 không lo làm ăn, lại có mối quan hệ nam nữ với người khác, Mặc dù, bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông T1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn R, sinh ngày 05/10/2000 và Phạm Văn N, sinh ngày 20/10/2001. Hiện 02 con chung đang sống chung với bà.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1. Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Ông T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận lời khai của ông T1.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Âu Bé T đối với ông Phạm Văn T1. Bà Âu Bé T được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn R, sinh ngày 05/10/2000 và Phạm Văn N, sinh ngày 20/10/2001, đã thành niên, có khả năng lao động, tự lo cho cuộc sống nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Âu Bé T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Bà Âu Bé T phải chịu án phí theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Âu Bé T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Phạm Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1 là phù hợp quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Âu Bé T và ông T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2021 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà Âu Bé T trình bày là do ông T1 không lo làm ăn, lại có mối quan hệ nam nữ với người khác. Bà T và ông T1 sống ly thân 01 năm nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Ông T1 mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên tòa thể hiện chị không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét thấy hôn nhân của bà T và ông T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn R, sinh ngày 05/10/2000 và Phạm Văn N, sinh ngày 20/10/2001, đã thành niên, có khả năng lao động, tự lo cho cuộc sống nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Âu Bé T và ông T1.

Bà Âu Bé T được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

2. Về con chung: 02 con chung tên Phạm Văn R, sinh ngày 05/10/2000 và Phạm Văn N, sinh ngày 20/10/2001, đã thành niên, có khả năng lao động, tự lo cho cuộc sống nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Âu Bé T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0012699 ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12); bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Bến Cầu;
- Chi cục THADS H.Bến Cầu;
- UBND xã Long Thuận;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cẩm**